TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Khương.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 98/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:* Bà N làm chủ hụi, bà L và ông H là hụi viên, bà L, ông H tham gia 03 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất, hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2021 âm lịch, mãn ngày 20/3/2028 âm lịch, có 22 phần, bà L, ông H tham gia 1/2 phần (để tên vợ chồng H) và đóng hụi sống được 03 lần. Đến lần khui thứ 04 ngày 20/3/2022 âm lịch, bà

L, ông H hốt, ra lời 2.200.000 đồng, hốt được 62.900.000 đồng x 1/2, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng x 1/2, còn lại 60.400.000 đồng x 1/2. Sau khi hốt hụi xong thì bà L, ông H có đóng hụi chết được 03 lần (từ lần thứ 05 ngày 20/7/2022 âm lịch đến lần thứ 07 ngày 20/3/2023 âm lịch). Từ lần thứ 08 ngày 20/7/2023 âm lịch đến lần thứ 11 ngày 20/7/2024 âm lịch, bà L, ông H không đóng hụi chết cho bà N 04 lần x 2.500.000 đồng = 10.000.000 đồng, bà N phải bỏ tiền ra để đóng thay cho bà L, ông H 10.000.000 đồng. Dây hụi này còn 11 lần chưa đến hạn.

Dây hụi thứ hai, hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 12/11/2021 âm lịch, mãn ngày 12/01/2025 âm lịch, có 40 phần, bà L, ông H tham gia 1/2 phần (để tên vợ H) và đóng hụi sống được 02 lần. Đến lần khui thứ 03 ngày 12/01/2022 âm lịch, bà L, ông H hốt, ra lời 1.000.000 đồng, hốt được 41.000.000 đồng x 1/2, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng x 1/2, còn lại 40.000.000 đồng x 1/2. Sau khi hốt hụi xong thì bà L, ông H có đóng hụi chết được 17 lần (từ lần thứ 04 ngày 12/02/2022 âm lịch đến lần thứ 20 ngày 12/5/2023 âm lịch). Từ lần thứ 21 ngày 12/6/2023 âm lịch đến lần thứ 37 ngày 12/10/2024 âm lịch, bà L, ông H không đóng hụi chết cho bà N 17 lần x 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng, bà N phải bỏ tiền ra để đóng thay cho bà L, ông H 17.000.000 đồng. Dây hụi này còn 03 lần chưa đến hạn.

Dây hụi thứ ba, hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/02nhuần/2023 âm lịch, mãn ngày 15/02/2027 âm lịch, có 49 phần, bà L, ông H tham gia 01 phần (để tên Út H) và đóng hụi sống được 01 lần. Đến lần khui thứ 02 ngày 15/03/2022 âm lịch, bà L, ông H hốt, ra lời 800.000 đồng, hốt được 57.400.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng, còn lại 56.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong thì bà L, ông H có đóng hụi chết được 02 lần (từ lần thứ 03 ngày 15/4/2023 âm lịch đến lần thứ 04 ngày 15/5/2023 âm lịch). Từ lần thứ 05 ngày 15/6/2023 âm lịch đến lần thứ 21 ngày 15/10/2024 âm lịch, bà L, ông H không đóng hụi chết cho bà N 17 lần x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng, bà N phải bỏ tiền ra để đóng thay cho bà L, ông H 34.000.000 đồng. Dây hụi này còn 28 lần chưa đến hạn.

Tổng cộng, 03 dây hụi bà L, ông H còn nợ bà N 10.000.000 đồng + 17.000.000 đồng + 34.000.000 đồng = 61.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà L, ông H còn nợ bà N tiền mua đồ (nhu yếu phẩm) là 35.757.000 đồng. Bà N còn giữ 01 cuốn sổ trong đó có nội dung thể hiện việc bà L, ông H còn nợ bà N tiền mua đồ (nhu yếu phẩm) là 35.757.000 đồng; ông H có ký tên vào trong cuốn sổ này.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng và số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Bà N đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Mọi vấn đề có liên quan bà N vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ và cam kết không khiếu nại gì về sau.

* *Các bị đơn bà L, ông H:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông H nhưng bà L, ông H không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì bà N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giải quyết buộc bà L, ông H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng và số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng và số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng mua bán tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà L, ông H có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bà L, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về hợp đồng góp hụi: Bà N cho rằng bà L, ông H có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi, gồm: ***Dây hụi thứ nhất,*** hụi mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 20/3/2021 âm lịch, dự kiến mãn ngày 20/3/2028 âm lịch, có 22 phần, bà L, ông H tham gia 1/2 phần và đã hốt hụi tại lần khui thứ 04 (vụ tháng 03/2022 âm lịch), sau khi hốt hụi xong bà L, ông H đóng hụi chết cho bà N được 03 lần tại các lần khui từ thứ 05 đến thứ 07 (từ vụ tháng 7/2022 âm lịch đến vụ tháng 3/2023 âm lịch), sau đó bà L, ông H không tiếp tục đóng hụi chết cho bà N nên bà N đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà L, ông H 04 lần tại các lần khui từ thứ 08 đến thứ 11 (từ vụ tháng 7/2023 âm lịch đến vụ tháng 7/2024 âm lịch) với số tiền 5.000.000 đồng x 1/2 phần x 04 lần = 10.000.000 đồng; đối với 11 lần khui còn lại từ thứ 12 đến thứ 22 (từ vụ tháng 11/2024 âm lịch đến vụ tháng 3/2028 âm lịch -

mãn hụi), bà N chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này; ***Dây hụi thứ hai,*** hụi tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, mở ngày 12/11/2021 âm lịch, dự kiến mãn ngày 12/01/2025 âm lịch, có 40 phần, bà L, ông H tham gia 1/2 phần và đã hốt hụi tại lần khui thứ 03 (ngày 12/01/2022 âm lịch), sau khi hốt hụi xong bà L, ông H đóng hụi chết cho bà N được 17 lần tại các lần khui từ thứ 04 đến thứ 20 (từ ngày 12/02/2022 âm lịch đến ngày 12/5/2023 âm lịch), sau đó bà L, ông H không tiếp tục đóng hụi chết cho bà N nên bà N đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà L, ông H 17 lần tại các lần khui từ thứ 21 đến thứ 37 (từ ngày 12/6/2023 âm lịch đến ngày 12/10/2024 âm lịch) với số tiền 2.000.000 đồng x 1/2 phần x 17 lần = 17.000.000 đồng; đối với 03 lần khui còn lại từ thứ 38 đến thứ 40 (từ ngày 12/11/2024 âm lịch đến ngày 12/01/2025 âm lịch - mãn hụi), bà N chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này; ***Dây hụi thứ ba,*** hụi tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, mở ngày 15/02nhuần/2023 âm lịch, dự kiến mãn ngày 15/02/2027 âm lịch, có 49 phần, bà L, ông H tham gia 01 phần và đã hốt hụi tại lần khui thứ 02 (ngày 15/3/2023 âm lịch), sau khi hốt hụi xong bà L, ông H đóng hụi chết cho bà N được 02 lần tại các lần khui từ thứ 03 đến thứ 04 (từ ngày 15/4/2023 âm lịch đến ngày 15/5/2023 âm lịch), sau đó bà L, ông H không tiếp tục đóng hụi chết cho bà N nên bà N đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà L, ông H 17 lần tại các lần khui từ thứ 05 đến thứ 21 (từ ngày 15/6/2023 âm lịch đến ngày 15/10/2024 âm lịch) với số tiền 2.000.000 đồng x 01 phần x 17 lần = 34.000.000 đồng; đối với 28 lần khui còn lại từ thứ 22 đến thứ 49 (từ ngày 15/11/2024 âm lịch đến ngày 15/02/2027 âm lịch - mãn hụi), bà N chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Từ đó, bà N yêu cầu bà L, ông H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ của 03 dây hụi là 10.000.000 đồng + 17.000.000 đồng + 34.000.000 đồng = 61.000.000 đồng.

[5] Xét thấy, lời trình bày của bà N là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng sự xác nhận của các ông, bà T, X, Y là các hụi viên có tham gia chơi 03 dây hụi nêu trên tại các Biên bản xác minh ngày 17/3/2025 (BL 38-41) về việc bà L, ông H có tham gia chơi hụi và đã hốt hụi đối với 03 dây hụi nêu trên; các hụi viên này không có mâu thuẫn, xích mích với bà L, ông H nên lời xác nhận của họ là trung thực, đảm bảo tính khách quan để làm chứng cứ trong vụ án này, là căn cứ xác định lời trình bày của bà N là đúng sự thật. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông H nhưng bà L, ông H không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là bà L, ông H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về hợp đồng góp hụi.

[6] Từ đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định việc sau khi hốt hụi xong thì bà L, ông H không đóng hụi chết cho bà N từ các lần khui từ khoảng tháng 6, 7/2023 âm lịch cho đến nay của 03 dây hụi nêu trên, với tổng số tiền 61.000.000 đồng là có thật. Theo quy định của pháp luật, sau khi đã hốt hụi thì tại mỗi lần (kỳ) khui hụi thì hụi viên phải có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho chủ hụi cho đến khi mãn hụi để chủ hụi giao tiền hụi chết này cho các hụi viên được hốt tại lần (kỳ) khui hụi đó, nên việc bà L, ông H không đóng hụi chết cho bà N là vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của hụi viên và xâm phạm đến quyền lợi hợp

pháp của chủ hụi cùng các hụi viên khác. Vì vậy, việc bà N yêu cầu bà L, ông H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hợp đồng mua bán tài sản: Bà N cho rằng bà L, ông H có mua đồ (nhu yếu phẩm) của bà N nhiều lần và còn nợ lại số tiền là 35.757.000 đồng đến nay chưa trả và bà N có cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận nợ có chữ ký và tên của ông H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông H nhưng bà L, ông H không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án cũng đã thông báo nội dung chứng cứ là biên nhận nợ do bà N cung cấp nêu trên cho bà L, ông H nhưng bà L, ông H không có ý kiến phản đối về chứng cứ này. Các khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*", "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*", "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Trong trường hợp này, nghĩa vụ chứng minh được xác định là của bà L, ông H nhưng bà L, ông H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về hợp đồng mua bán tài sản. Do đó, việc bà N yêu cầu bà L, ông H trả cho bà N số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền hụi còn nợ và số tiền mua đồ còn nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi. Đồng thời, đối với các lần khui chưa tới hạn của 03 dây hụi nêu trên mà bà N chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này khi hụi tới hạn và giữa các bên có tranh chấp thì bà N có quyền tiếp tục khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giải quyết buộc bà L, ông H phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng và số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng, tổng cộng là 96.757.000 đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà L, ông H phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền bị Tòa án buộc trả là 96.757.000 đồng x 5% = 4.837.850 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 430, 440, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà L và ông H trả số tiền hụi còn nợ và số tiền mua đồ còn nợ.

Buộc bà L và ông H phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 61.000.000 đồng và số tiền mua đồ còn nợ là 35.757.000 đồng, tổng cộng là 96.757.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà L và ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà N đã nộp là 2.418.925 đồng (*Hai triệu bốn trăm mười tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009175, ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà L và ông H phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 4.837.850 đồng (*Bốn triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt